



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

10 NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**HÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN
THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP
KHẨU CÀ MAU**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 14 - 43 |
| 8. Phụ lục | 44 - 46 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 28 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Điện thoại : (84-780) 3.831.608
Fax : (84-780) 3.832.297
E_mail : camimex@hcm.vnn.vn
Website : www.camimexseafood.com.vn
Mã số thuế : 2000103908

Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| 1. Trạm mua nguyên liệu thủy sản sinh thái | Áp Chà Là, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau |
| 2. Trạm mua nguyên liệu thủy sản | Lâm phần Lâm Ngư Trường Ngọc Hiển, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau |
| 3. Chi nhánh Xí nghiệp IV | Đường Cao Thắng, phường 7, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau |
| 4. Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh | Số 33/3 khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|------------|------------------------------------|
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2013 |
| Ông Nguyễn An Ninh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2011 |
| Ông Nguyễn Hoàng Nam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2011 |
| Ông Bùi Đức Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2013 |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|--|
| Ông Nguyễn Đăng Duẩn | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016 |
| Ông Huỳnh Hữu Nhân | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016 |
| Ông Nguyễn Hoàng Nghị | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Văn Thắng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------------|-------------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn An Ninh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2012 |
| Ông Bùi Đức Cường | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013 |
| Bà Trương Thị Bích Phượng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013 |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2013).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Nguyễn An Ninh-Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy ủy quyền số 02/CMX.HDQT/UQ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Ngày 29 tháng 3 năm 2017



Số: 098CT/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2017, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh – Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2013-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Bé Ghi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2646-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 438.231.137.310 | 453.725.313.241 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 10.015.155.858 | 11.256.404.470 |
| 1. Tiền | 111 | | 10.015.155.858 | 11.256.404.470 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 76.443.929.779 | 88.114.404.836 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 50.245.401.104 | 75.406.114.966 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 26.475.875.027 | 12.998.982.132 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 15.011.382.563 | 14.318.571.335 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (15.288.728.915) | (14.682.718.959) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | V.6 | - | 73.455.362 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 325.102.633.359 | 322.347.381.887 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 344.163.900.529 | 351.520.045.482 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.7 | (19.061.267.170) | (29.172.663.595) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 26.669.418.314 | 32.007.122.048 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 727.900.717 | 1.491.312.741 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 7.367.504.807 | 6.320.031.442 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.14 | 18.574.012.790 | 24.195.777.865 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 246.204.669.283 | 224.939.204.189 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.246.621.200 | 132.371.200 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 1.246.621.200 | 132.371.200 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 111.030.486.661 | 118.091.912.870 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 108.273.474.547 | 114.820.859.651 |
| - Nguyên giá | 222 | | 282.637.229.293 | 272.832.233.339 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (174.363.754.746) | (158.011.373.688) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 2.757.012.114 | 3.271.053.219 |
| - Nguyên giá | 228 | | 9.145.105.542 | 9.145.105.542 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (6.388.093.428) | (5.874.052.323) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 132.313.087.068 | 104.463.794.039 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 132.313.087.068 | 104.463.794.039 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.614.474.354 | 2.251.126.080 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 1.614.474.354 | 2.251.126.080 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 684.435.806.593 | 678.664.517.430 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 661.798.320.588 | 612.259.862.812 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 649.244.282.079 | 607.278.262.991 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 186.064.580.556 | 154.494.403.296 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 7.797.977.671 | 7.617.545.267 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 4.922.363.335 | 9.453.007.440 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.15 | 4.769.308.786 | 4.145.929.198 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 1.041.133.080 | 2.398.570.825 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17a | 27.735.380.360 | 31.986.762.562 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 415.898.486.375 | 396.166.992.487 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 1.015.051.916 | 1.015.051.916 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 12.554.038.509 | 4.981.599.821 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.17b | 450.000.000 | 450.000.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 11.977.902.000 | 4.497.394.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | V.20 | 126.136.509 | 34.205.821 |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

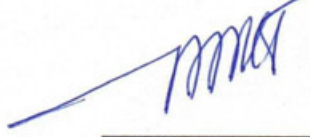
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 22.637.486.006 | 66.404.654.618 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 22.637.486.006 | 66.404.654.618 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.21 | 132.212.340.000 | 132.212.340.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 132.212.340.000 | 132.212.340.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.21 | 1.995.223.836 | 1.995.223.836 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.21 | (111.570.077.831) | (67.802.909.218) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | (69.130.965.894) | (67.802.909.218) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | (42.439.111.937) | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 684.435.806.593 | 678.664.517.430 |

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017


Lữ Hồng Lam
Người lập biểu


Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|-------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 868.665.989.756 | 812.754.133.231 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 23.620.128.826 | 499.097.659 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 845.045.860.930 | 812.255.035.572 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 776.714.498.312 | 690.278.551.746 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 68.331.362.618 | 121.976.483.826 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 6.773.185.099 | 7.993.942.872 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 33.392.914.003 | 39.304.817.350 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 26.537.994.272 | 22.113.319.046 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 38.986.979.446 | 36.805.613.260 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 39.054.327.376 | 28.429.592.246 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (36.329.673.108) | 25.430.403.842 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 1.463.359.529 | 9.744.470.900 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 3.296.568.762 | 6.391.219.738 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (1.833.209.233) | 3.353.251.162 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (38.162.882.341) | 28.783.655.004 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 4.184.298.908 | 4.121.033.679 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.10 | 91.930.688 | 2.841.110 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>(42.439.111.937)</u> | <u>24.659.780.215</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | <u>(42.439.111.937)</u> | <u>24.659.780.215</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | <u>-</u> | <u>-</u> |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.11a | <u>(3.210)</u> | <u>1.865</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.11b | <u>(3.210)</u> | <u>1.865</u> |

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017


Lữ Hồng Lam
Người lập biểu


Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (38.162.882.341) | 28.783.655.004 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9,V.10 | 17.645.733.114 | 14.804.869.279 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.7 | (9.505.386.469) | (134.178.847.621) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4,VI.5 | 397.797.941 | (214.869.009) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (29.900.971) | 592.078.883 |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 26.537.994.272 | 22.113.319.046 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (3.116.644.454) | (68.099.794.418) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (285.258.951.252) | (50.641.100.312) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 7.356.144.953 | 161.933.354.394 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 358.156.630.731 | 28.931.952.395 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.811.623.251 | (2.703.429.649) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (27.895.432.017) | (22.879.496.042) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.14 | (1.758.597.837) | (1.248.524.232) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.21 | (1.328.056.676) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 47.966.716.699 | 45.292.962.136 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9,V.11 | (39.858.244.418) | (34.873.756.966) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 1.454.545.455 | 59.863.636 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (58.860.220.063) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 20.980.508.843 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.4 | - | 3.155.556 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (76.283.410.183) | (34.810.737.774) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------------|-------------------------------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.18a, b | 1.475.694.433.230 | 1.224.340.303.207 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.18a, b | (1.448.652.492.791) | (1.230.690.735.413) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <u><i>27.041.940.439</i></u> | <u><i>(6.350.432.206)</i></u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (1.274.753.045) | 4.131.792.156 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 11.256.404.470 | 7.142.888.199 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 33.504.433 | (18.275.885) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | <u>10.015.155.858</u> | <u>11.256.404.470</u> |

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017


Lữ Hồng Lam
Người lập biểu


Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng


S.Đ.K.K.D: 2000103908-C.T.Đ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHẾ BIẾN THỦY SẢN
VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
CÀ MAU
TP. CÀ MAU - TỈNH CÀ MAU
Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ ngày 15 tháng 4 năm 2016 công ty con của Công ty là Công ty TNHH MTV Camimex – Kiên Giang chính thức giải thể theo Công văn số 4718/16 ngày 15/4/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang và cũng từ ngày này công ty có thêm một chi nhánh là chi nhánh Camimex – Kiên Giang. Do đó, khoản lỗ lũy kế 1.328.056.676 VND của Công ty TNHH MTV Camimex – Kiên Giang, trong năm Công ty đã tiếp nhận và xử lý.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|---|--------------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Thủy sản Camimex | Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | Gia công, chế biến, xuất khẩu. | 99,99% | 99,99% | 99,99% | 99,99% |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm giống Sinh thái – Camimex | Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau | Sản xuất kinh doanh tôm giống. | 100% | 100% | 100% | 100% |

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 853 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.162 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và Ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê nhà trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (12 tháng).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 – 44 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 54 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 14 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04 – 05 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 2.602.104.521 | 2.614.261.304 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.413.051.337 | 8.642.143.166 |
| Cộng | <u>10.015.155.858</u> | <u>11.256.404.470</u> |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | | |
| MAZZETTA | 11.252.655.255 | 11.084.778.872 |
| CMC Seafood Corporation | 9.749.961.798 | - |
| Công ty TNHH Thủy sản Nam Cà Mau | 18.345.590 | 33.742.513.562 |
| Các khách hàng khác | 29.224.438.461 | 30.578.822.532 |
| Cộng | <u>50.245.401.104</u> | <u>75.406.114.966</u> |

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | | |
| CMC Seafood Corporation | 2.949.450.000 | 1.609.350.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy Sản Phú Minh Hưng | 1.300.000.000 | 1.300.000.000 |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Công nghệ Đức Duy | 2.298.000.000 | 2.298.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thiên Hoàng Việt | 5.093.103.431 | - |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Xây dựng Trường Giang | 2.048.500.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long | 739.361.500 | 2.056.053.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 12.047.460.096 | 5.735.579.132 |
| Cộng | <u>26.475.875.027</u> | <u>12.998.982.132</u> |

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - | 2.193.575.679 | - |
| Công ty TNHH MTV Camimex - Kiên Giang - Phải thu tiền chi hộ | - | - | 2.193.575.679 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 15.011.382.563 | (511.500.129) | 12.124.995.656 | (511.500.129) |
| Phải thu khác | 5.816.626.896 | (511.500.129) | 1.660.357.997 | (511.500.129) |
| Tạm ứng nhân viên | 8.581.553.148 | - | 9.719.465.795 | - |
| Dự án nuôi tôm Kiên Giang | 613.202.519 | - | 745.171.864 | - |
| Cộng | <u>15.011.382.563</u> | <u>(511.500.129)</u> | <u>14.318.571.335</u> | <u>(511.500.129)</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4b. Phải thu dài hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------------------|----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức khác</i> | | | | |
| Ký cược, ký quỹ | 1.246.621.200 | - | 132.371.200 | - |
| Cộng | 1.246.621.200 | - | 132.371.200 | - |

5. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|----------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | | | |
| Mazzetta - Phải thu tiền bán hàng | Trên 3 năm | 11.252.655.255 | - | Trên 3 năm | 11.084.778.872 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | | 4.036.073.660 | - | | 3.597.940.087 | - |
| Phải thu tiền bán hàng | Trên 3 năm | 1.091.039.491 | - | Trên 3 năm | 1.075.152.818 | - |
| Phải thu khác | Trên 3 năm | 511.500.129 | - | Trên 3 năm | 511.500.129 | - |
| Trả trước người bán | Trên 3 năm | 2.433.534.040 | - | Trên 3 năm | 2.011.287.140 | - |
| Cộng | | 15.288.728.915 | - | | 14.682.718.959 | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 14.682.718.959 | 13.300.817.831 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 606.009.956 | 1.381.901.128 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối năm | 15.288.728.915 | 14.682.718.959 |

6. Tài sản thiếu chờ xử lý

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------|-------------|-------------------|
| Hàng tồn kho | - | 73.455.362 |
| Cộng | - | 73.455.362 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 10.269.192.491 | - | 9.691.768.055 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 2.548.586.299 | - | 2.588.605.953 | - |
| Thành phẩm | 331.333.265.483 | (19.061.267.170) | 339.226.815.218 | (29.172.663.595) |
| Hàng hóa | 12.856.256 | - | 12.856.256 | - |
| Cộng | 344.163.900.529 | (19.061.267.170) | 351.520.045.482 | (29.172.663.595) |

Tất cả thành phẩm tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 29.172.663.595 | 164.733.412.344 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | 14.552.377.874 |
| Hoàn nhập dự phòng | (10.111.396.425) | (150.113.126.623) |
| Số cuối năm | <u>19.061.267.170</u> | <u>29.172.663.595</u> |

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 325.172.070 | 1.118.383.450 |
| Chi phí thuê nhà | 10.000.000 | - |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 392.728.647 | 372.929.291 |
| Cộng | <u>727.900.717</u> | <u>1.491.312.741</u> |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 1.030.487.430 | 2.241.126.080 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 583.986.924 | 10.000.000 |
| Cộng | <u>1.614.474.354</u> | <u>2.251.126.080</u> |

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 64.875.058.685 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

10. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Chương trình phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 8.736.905.542 | 408.200.000 | 9.145.105.542 |
| Số cuối năm | <u>8.736.905.542</u> | <u>408.200.000</u> | <u>9.145.105.542</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 3.045.680.607 | 408.200.000 | 3.453.880.607 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 5.465.852.323 | 408.200.000 | 5.874.052.323 |
| Khấu hao trong năm | 514.041.105 | - | 514.041.105 |
| Số cuối năm | <u>5.979.893.428</u> | <u>408.200.000</u> | <u>6.388.093.428</u> |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 3.271.053.219 | - | 3.271.053.219 |
| Số cuối năm | <u>2.757.012.114</u> | <u>-</u> | <u>2.757.012.114</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.742.462.846 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|--|------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 1.332.830.081 | 2.531.645.000 | (2.531.645.000) | 1.332.830.081 |
| - Dự án nuôi tôm Kiên Giang ⁽ⁱ⁾ | 1.284.004.913 | - | - | 1.284.004.913 |
| - Chi phí khác ⁽ⁱ⁾ | 48.825.168 | - | - | 48.825.168 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 103.130.963.958 | 28.798.233.821 | (948.940.792) | 130.980.256.987 |
| Đầu tư mới kho lạnh 1.500 tấn – Xí nghiệp 5 | 8.371.614.714 | 1.314.892.454 | - | 9.686.507.168 |
| Hệ thống điện dự án nuôi tôm ở Kiên Giang ⁽ⁱ⁾ | 4.129.922.243 | - | - | 4.129.922.243 |
| Khu nhà ở nuôi tôm ⁽ⁱ⁾ | 596.852.000 | - | - | 596.852.000 |
| Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 – Máy móc thiết bị | 39.548.617.190 | - | (948.940.792) | 38.599.676.398 |
| Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 – Chi phí xây dựng cơ bản | 30.792.142.939 | - | - | 30.792.142.939 |
| Quyền sử dụng đất thuê đang làm thủ tục | 19.637.839.872 | - | - | 19.637.839.872 |
| Công trình nâng cấp xí nghiệp 2 | - | 25.862.323.367 | - | 25.862.323.367 |
| Công trình san lấp mặt bằng | - | 207.060.000 | - | 207.060.000 |
| Công trình cải tạo ao chứa nước mặn | - | 208.000.000 | - | 208.000.000 |
| Công trình nhà thu mua | - | 437.191.000 | - | 437.191.000 |
| Công trình cải tạo nhà tạo thành nhà ương | - | 245.268.000 | - | 245.268.000 |
| Công trình sân ngoài nhà | - | 523.499.000 | - | 523.499.000 |
| Tài sản cố định khác | 53.975.000 | - | - | 53.975.000 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | - | - | - |
| Cộng | 104.463.794.039 | 31.329.878.821 | (3.480.585.792) | 132.313.087.068 |

⁽ⁱ⁾ Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án nuôi tôm Chi nhánh Camimex Kiên Giang, nhưng do hiện còn ảnh hưởng tình hình của Công ty TNHH MTV Camimex Kiên Giang vừa mới giải thể nên các tài sản này đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển về Công ty.

Tập đoàn đã thế chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 9.686.507.168 VND (số đầu năm là 8.371.614.714 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 8.888.586.928 | 9.284.296.499 |
| Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hải Nam | 8.888.586.928 | 8.418.777.496 |
| Công ty TNHH MTV Camimex - Kiên Giang | - | 865.519.003 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 177.175.993.628 | 145.210.106.797 |
| Ulka Seafoods (P) LTD | 4.671.950.000 | 22.383.207.252 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Các nhà cung cấp khác | 172.504.043.628 | 122.826.899.545 |
| Cộng | 186.064.580.556 | 154.494.403.296 |
| 12a. Nợ quá hạn chưa thanh toán | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| <i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i> | | |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Nhất Việt | 269.568.382 | 269.568.382 |
| Công ty TNHH Đại Thịnh | 272.000.000 | 272.000.000 |
| Tôm sinh thái | 996.122.160 | 996.122.160 |
| Các nhà cung cấp khác | 897.404.573 | 967.596.773 |
| Cộng | 2.435.095.115 | 2.505.287.315 |
| 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | | |
| Coop, Basel | 7.252.877.078 | 7.252.877.078 |
| Các khách hàng khác | 545.100.593 | 364.668.189 |
| Cộng | 7.797.977.671 | 7.617.545.267 |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

| | |
|---|--------------------------|
| - Hàng thủy sản xuất khẩu | 0% |
| - Hàng thủy sản đã qua sơ chế bán trong nước | 5% |
| - Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại | Không kê khai, tính thuế |
| - Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản | 5% |
| - Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước | 10% |
| - Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản | 10% |
| - Các dịch vụ khác | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Công ty TNHH Thủy sản Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nên được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm giống Sinh thái Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty TNHH một thành viên Sản xuất Tôm giống sinh thái - Camimex kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 12.593.921.334 | 7.410.752.368 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.702.575.481 | 8.928.294.082 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (984.405.895) | (392.619.914) |
| Thu nhập chịu thuế | 13.312.090.920 | 15.946.426.536 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Lỗi các năm trước được chuyển | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 13.312.090.920 | 15.946.426.536 |
| Thu nhập từ hoạt động ưu đãi (thuế suất 10%) | (49.474.674.167) | 15.946.426.536 |
| Thu nhập từ hoạt động khác (thuế suất 20%) | 62.786.765.087 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 2.662.418.184 | 1.594.642.654 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | - | 767.793.188 |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 2.662.418.184 | 2.362.435.842 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các Công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty TNHH Thủy sản Camimex phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 25.000 VND/m³ đối với nước dưới lòng đất và 4.000 VND/m³ đối với nước trên mặt.

Tiền thuê đất

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo thông báo hàng năm của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Phải trả người lao động**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương phải trả | 4.769.308.786 | 4.145.929.198 |
| Cộng | 4.769.308.786 | 4.145.929.198 |

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>67.087.860</i> | <i>65.061.484</i> |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau – Chi phí lãi vay phải trả | 67.087.860 | 65.061.484 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>974.045.220</i> | <i>2.333.509.341</i> |
| Chi phí lãi vay phải trả | 974.045.220 | 2.333.509.341 |
| Cộng | 1.041.133.080 | 2.398.570.825 |

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>78.761.998</i> | <i>257.261.998</i> |
| Bùi Đức Cường | - | 35.000.000 |
| Nguyễn An Ninh | 78.761.998 | 113.761.998 |
| Bùi Sĩ Tuấn | - | 42.000.000 |
| Nguyễn Hoàng Nam | - | 35.000.000 |
| Đặng Ngọc Sơn | - | 31.500.000 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>27.656.618.362</i> | <i>31.729.500.564</i> |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 10.384.825.218 | 10.384.825.218 |
| Kinh phí công đoàn | 2.868.783.181 | 2.582.991.380 |
| Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp | 7.506.230.435 | 7.044.261.174 |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | - | 135.244.175 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 500.000.000 | 500.000.000 |
| Nhóm quản lý phát triển nuôi tôm sinh thái | 818.250.218 | 8.033.230.546 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 5.578.529.310 | 3.048.948.071 |
| Cộng | 27.735.380.360 | 31.986.762.562 |

17b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| <i>Phải trả tổ chức khác</i> | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 450.000.000 | 450.000.000 |
| Cộng | 450.000.000 | 450.000.000 |

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| <i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i> | | |
| Kinh phí công đoàn ⁽¹⁾ | 2.153.118.303 | 2.142.723.019 |
| Bảo hiểm xã hội | 270.661.032 | 4.520.880.020 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Bảo hiểm y tế | 28.567.630 | 1.742.020.412 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 9.522.544 | 591.307.801 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 10.384.825.218 | 10.384.825.218 |
| Các đối tượng khác ⁽ⁱⁱ⁾ | 115.341.905 | 1.332.246.079 |
| Cộng | <u>12.962.036.632</u> | <u>20.714.002.549</u> |

- (i) Khoản kinh phí công đoàn này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.
- (ii) Trong đó, khoản thu tiền thanh lý hộ Nhà nước 44.761.905 VND và Quỹ Đền ơn đáp nghĩa 20.580.000 VND chưa được thanh toán do không có yêu cầu.

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan | 40.895.721.106 | 41.309.086.062 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 32.116.480.000 | 34.183.713.200 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾ | 32.116.480.000 | 34.183.713.200 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 1.176.660.000 | 566.664.000 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾ | 1.176.660.000 | 566.664.000 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | 7.602.581.106 | 6.558.708.862 |
| Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hải Nam - Phải trả tiền tạm mượn không tính lãi | 7.602.581.106 | 6.558.708.862 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 375.002.765.269 | 354.857.906.425 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 327.354.263.492 | 328.935.560.886 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾ | 192.317.276.042 | 207.765.305.252 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 81.066.179.634 | 62.597.235.962 |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau | - | 2.434.320.000 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ^(iv) | 53.970.807.816 | 56.138.699.672 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | 30.537.704.565 | 10.754.090.450 |
| Các tổ chức và cá nhân khác - Tiền mượn không tính lãi | 30.537.704.565 | 10.754.090.450 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 17.110.797.212 | 15.168.255.089 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(v) | 3.580.000.000 | 2.023.746.193 |
| Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải ^(vi) | 13.530.797.212 | 13.144.508.896 |
| Cộng | <u>415.898.486.375</u> | <u>396.166.992.487</u> |

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 37.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tôm thành phẩm tại các kho hàng và các khoản phải thu khách hàng nước ngoài thông qua các quyền đòi nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản và quyền sử dụng đất của bên thứ ba.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động mua tôm nguyên liệu với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu và thế chấp tài sản.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa và bất động sản chưa hoàn thành nên chưa tiến hành ký hợp đồng thế chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải bằng nguồn vốn ODA để đầu tư mới phân xưởng sản xuất.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Số tiền vay phát sinh | | Số tiền vay đã trả trong năm | Kết chuyển từ vay dài hạn | Chênh lệch tỷ giá cuối năm | Số cuối năm |
|--|------------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|----------------------------|------------------------|
| | Số đầu năm | trong năm | | | | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 363.119.274.086 | 1.349.606.497.387 | (1.353.371.654.952) | - | 116.626.971 | 359.470.743.492 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân và tổ chức khác | 17.312.799.312 | 112.487.935.843 | (91.660.449.484) | - | - | 38.140.285.671 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 15.734.919.089 | - | (2.257.556.355) | 4.756.660.000 | 53.434.478 | 18.287.457.212 |
| Cộng | 396.166.992.487 | 1.462.094.433.230 | (1.447.289.660.791) | 4.756.660.000 | 170.061.449 | 415.898.486.375 |

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i> | <i>1.913.902.000</i> | <i>1.833.894.000</i> |
| <i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ^(vii)</i> | <i>1.913.902.000</i> | <i>1.833.894.000</i> |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>10.064.000.000</i> | <i>2.663.500.000</i> |
| <i>Vay dài hạn ngân hàng</i> | <i>10.064.000.000</i> | <i>2.663.500.000</i> |
| <i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(viii)</i> | <i>10.064.000.000</i> | <i>2.663.500.000</i> |
| Cộng | 11.977.902.000 | 4.497.394.000 |

- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất theo từng hợp đồng vay và thời hạn vay từ 36 tháng đến 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để đầu tư thực hiện nâng cấp xí nghiệp 2 với lãi suất được điều chỉnh theo thông báo lãi suất từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 4.756.660.000 | 15.734.919.089 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 11.977.902.000 | 4.497.394.000 |
| Cộng | 16.734.562.000 | 20.232.313.089 |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 4.497.394.000 | 5.127.246.193 |
| Số tiền vay phát sinh | 13.600.000.000 | 2.300.000.000 |
| Số tiền vay đã trả | (1.362.832.000) | (339.442.000) |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (4.756.660.000) | (2.590.410.193) |
| Số cuối năm | 11.977.902.000 | 4.497.394.000 |

18c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

| | <u>Số cuối năm</u> | | | <u>Số đầu năm</u> | | |
|--|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | <u>Gốc</u> | <u>Lãi</u> | <u>Cộng</u> | <u>Gốc</u> | <u>Lãi</u> | <u>Cộng</u> |
| Các đơn vị khác | 13.530.797.212 | 1.514.159.818 | 15.044.957.030 | 13.144.508.896 | 1.352.087.428 | 14.496.596.324 |
| Vay | 13.530.797.212 | 1.514.159.818 | 15.044.957.030 | 13.144.508.896 | 1.352.087.428 | 14.496.596.324 |
| Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải ⁽ⁱ⁾ | 13.530.797.212 | 1.514.159.818 | 15.044.957.030 | 13.144.508.896 | 1.352.087.428 | 14.496.596.324 |
| Cộng | 13.530.797.212 | 1.514.159.818 | 15.044.957.030 | 13.144.508.896 | 1.352.087.428 | 14.496.596.324 |

⁽ⁱ⁾ Khoản vay này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang làm việc với Ngân hàng và chưa xác định được thời gian tất toán khoản nợ.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|----------------------|---------------------------------------|--------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 513.225.065 | - | - | 513.225.065 |
| Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định | 394.801.379 | - | - | 394.801.379 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 107.025.472 | - | - | 107.025.472 |
| Cộng | 1.015.051.916 | - | - | 1.015.051.916 |

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm của khoản mục tiền và nợ phải thu. Chi tiết phát sinh như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số đầu năm | 34.205.821 | 42.899.802 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | 91.930.688 | (7.271.230) |
| Số cuối năm | 126.136.509 | 34.205.821 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 10% và 20% (năm trước thuế suất là 10%).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 3 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 132.212.340.000 VND

Số lượng cổ phần: 13.221.234 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần

Cổ phiếu của Tập đoàn được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch CMX.

21c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 13.221.234 | 13.221.234 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 13.221.234 | 13.221.234 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 13.221.234 | 13.221.234 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 13.221.234 | 13.221.234 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 13.221.234 | 13.221.234 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Ngoại tệ các loại

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 249.484,21 | 265.398,36 |
| Euro (EUR) | 19,66 | 19,66 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 634.724.579.232 | 447.876.998.548 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 225.362.727.469 | 357.967.582.344 |
| Doanh thu bán phụ phẩm | 1.228.331.700 | 1.272.171.440 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 6.534.376.049 | 4.662.489.536 |
| Doanh thu cho thuê tài sản | 815.975.306 | 974.891.363 |
| Cộng | 868.665.989.756 | 812.754.133.231 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|-----------------------|--------------------|
| Chiết khấu thương mại | 737.551.144 | 480.854.059 |
| Hàng bán bị trả lại | 22.882.577.682 | 18.243.600 |
| Cộng | 23.620.128.826 | 499.097.659 |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 599.839.027.144 | 492.133.481.141 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 186.986.867.593 | 333.705.819.354 |
| Hoàng nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (10.111.396.425) | (135.560.748.749) |
| Cộng | 776.714.498.312 | 690.278.551.746 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | - | 3.155.556 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 12.526.281 | 19.114.264 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 6.760.658.818 | 7.756.804.043 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 214.869.009 |
| Cộng | 6.773.185.099 | 7.993.942.872 |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 26.537.994.272 | 22.113.319.046 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 6.457.121.790 | 17.191.498.304 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 397.797.941 | - |
| Cộng | 33.392.914.003 | 39.304.817.350 |

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 3.256.844.498 | 3.095.959.345 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 35.788.734 | 2.371.826 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 53.808.979 | 57.927.198 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 889.151.396 | 379.958.797 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 22.735.760.118 | 20.214.347.273 |
| Các chi phí khác | 12.015.625.721 | 13.055.048.821 |
| Cộng | 38.986.979.446 | 36.805.613.260 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|----------------|------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 13.821.707.935 | 11.965.870.713 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 217.895.737 | 5.455.970 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 811.175.026 | 857.897.057 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.367.822.635 | 1.301.494.680 |
| Thuế, phí và lệ phí | 536.355.041 | 142.637.636 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 606.009.956 | 1.381.901.128 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 248.178.151 | 284.948.453 |
| Các chi phí khác | 20.445.182.895 | 12.489.386.609 |
| Cộng | <u>39.054.327.376</u> | <u>28.429.592.246</u> |
| 8. Thu nhập khác | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Thu nhập do tăng tài sản bất thường | - | 7.953.000.000 |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 29.900.971 | - |
| Thu từ nhận hỗ trợ và giảm giá hàng nhập khẩu do hàng kém chất lượng | - | 1.218.766.853 |
| Thu nhập từ giảm giá hàng mua | 33.360.000 | 129.362.688 |
| Thu tiền từ xử lý tài sản kiểm kê | 125.386.418 | 27.031.121 |
| Thu nhập từ xử lý các khoản nợ không phải trả | 1.216.904.174 | - |
| Thu nhập khác | 57.807.966 | 416.310.238 |
| Cộng | <u>1.463.359.529</u> | <u>9.744.470.900</u> |
| 9. Chi phí khác | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí thuê luật sư cho POR9 | - | 128.340.000 |
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 595.234.439 |
| Chi phí khấu hao tài sản nuôi tôm Kiên Giang | 244.788.933 | 244.788.933 |
| Thuế phạt, bị truy thu, vi phạm hành chính | 1.356.980.375 | 2.838.905.520 |
| Tiền thuê và thuê đất cho phần đất đã góp vốn | 206.518.000 | 1.361.423.929 |
| Chi phí từ thu hoạch tôm Kiên Giang | 1.338.089.718 | 511.020.615 |
| Tiền án phí và phí thi hành án | 50.000.000 | 285.647.831 |
| Chi phí khác | 100.191.736 | 425.858.471 |
| Cộng | <u>3.296.568.762</u> | <u>6.391.219.738</u> |
| 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 126.136.509 | 11.919.931 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | - | 11.535.091 |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả | (34.205.821) | (20.613.912) |
| Cộng | <u>91.930.688</u> | <u>2.841.110</u> |
| 11. Lãi trên cổ phiếu | | |
| 11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | (42.439.111.937) | 24.659.780.215 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------|------------------|
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (42.439.111.937) | 24.659.780.215 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 13.221.234 | 13.221.234 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (3.210) | 1.865 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 13.221.234 | 13.221.234 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 13.221.234 | 13.221.234 |

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 543.568.890.766 | 487.907.919.818 |
| Chi phí nhân công | 68.595.601.917 | 61.561.344.485 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 17.645.733.114 | 14.804.869.279 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 194.016.969.466 | 32.698.365.001 |
| Chi phí khác | 38.270.476.928 | 168.086.493.431 |
| Cộng | 862.097.672.191 | 765.058.992.014 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|------------------|------------------|
| Các thành viên Hội đồng quản trị | | |
| <i>Thù lao</i> | - | 192.000.000 |
| <i>Mượn tiền không tính lãi</i> | 21.200.000.000 | 34.190.000.000 |
| <i>Trả tiền mượn</i> | (21.200.000.000) | (34.190.000.000) |
| <i>Cho mượn tiền không tính lãi</i> | - | (2.500.000.000) |
| <i>Thu lại tiền cho mượn</i> | - | 2.500.000.000 |

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong thuyết minh ở Mục V.16.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------|--------------------|----------------------|
| Tiền lương, thưởng | 672.348.720 | 943.360.910 |
| Phụ cấp, thù lao | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Cộng | 792.348.720 | 1.063.360.910 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|--|
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau | Cổ đông sáng lập |
| Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hải Nam | Thành viên góp vốn vào Công ty TNHH Thủy sản Camimex |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------|------------------|
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau | | |
| Vay ngắn hạn | 68.162.392.800 | 95.303.138.760 |
| Trả nợ vay ngắn hạn | (70.229.626.000) | (96.760.838.424) |
| Công ty TNHH một thành viên chế biến thủy sản Hải Nam | | |
| Mua hàng hóa | 60.736.138.427 | 62.779.632.695 |
| Mượn tiền không tính lãi | 17.532.000.000 | 12.301.966.095 |
| Trả tiền mượn | (16.488.127.756) | (5.743.257.233) |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.4a, V.12, V.16, V.17a và V.18a, b.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động kinh doanh thủy sản gồm: Chế biến hàng thủy sản, gia công hàng thủy sản, mua bán hàng thủy sản và nuôi trồng thủy sản. Doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Trong nước | 45.219.082.307 | 60.207.413.527 |
| Nước ngoài | 799.826.778.623 | 752.047.622.045 |
| Cộng | <u>845.045.860.930</u> | <u>812.255.035.572</u> |

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là vừa phải.

Tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.015.155.858 | - | - | - | 10.015.155.858 |
| Phải thu khách hàng | 37.901.706.358 | - | - | 12.343.694.746 | 50.245.401.104 |
| Các khoản phải thu khác | 6.551.747.967 | - | - | 511.500.129 | 7.063.248.096 |
| Cộng | 54.468.610.183 | - | - | 12.855.194.875 | 67.323.805.058 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 11.256.404.470 | - | - | - | 11.256.404.470 |
| Phải thu khách hàng | 63.246.183.276 | - | - | 12.159.931.690 | 75.406.114.966 |
| Các khoản phải thu khác | 3.474.804.747 | - | - | 511.500.129 | 3.986.304.876 |
| Cộng | 77.977.392.493 | - | - | 12.671.431.819 | 90.648.824.312 |

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|------------------------|-----------------------|------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả người bán | 186.064.580.556 | - | - | 186.064.580.556 |
| Vay và nợ | 415.898.486.375 | 11.977.902.000 | - | 427.876.388.375 |
| Các khoản phải trả khác | 18.401.499.824 | 450.000.000 | - | 18.851.499.824 |
| Cộng | 620.364.566.755 | 12.427.902.000 | - | 632.792.468.755 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|------------------------|----------------------|------------|------------------------|
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 154.494.403.296 | - | - | 154.494.403.296 |
| Vay và nợ | 396.166.992.487 | 4.497.394.000 | - | 400.664.386.487 |
| Các khoản phải trả khác | 24.622.836.658 | 450.000.000 | - | 25.072.836.658 |
| Cộng | 575.284.232.441 | 4.947.394.000 | - | 580.231.626.441 |

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|
| | USD | EUR | USD | EUR |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 249.484,21 | 19,66 | 265.398,36 | 19,66 |
| Phải thu khách hàng | 1.475.543,44 | - | 1.687.574,48 | - |
| Phải trả người bán | (4.647.836,96) | - | (1.968.952,96) | - |
| Vay và nợ | (5.290.084,42) | - | (7.542.469,20) | - |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | (8.212.893,73) | 19,66 | (7.558.449,32) | 19,66 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 3.359.040.684 VND (năm trước giảm/tăng 3.066.614.059 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------|
| | VND | USD | VND | USD |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | - | - | - | - |
| Vay và nợ | (269.175.078.772) | (5.290.084,42) | (213.344.331.407) | (7.542.469,20) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần | (269.175.078.772) | (5.290.084,42) | (213.344.331.407) | (7.542.469,20) |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 4.845.151.418 VND (năm trước giảm/tăng 3.840.197.965 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 1.085.049.215 VND (năm trước giảm/tăng 1.530.065.302 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp các khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 50.245.401.104 VND (số đầu năm là 75.406.114.966 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.015.155.858 | - | 11.256.404.470 | - | 10.015.155.858 | 11.256.404.470 |
| Phải thu khách hàng | 50.245.401.104 | (12.343.694.746) | 75.406.114.966 | (12.159.931.690) | 37.901.706.358 | 63.246.183.276 |
| Các khoản phải thu khác | 7.063.248.096 | (511.500.129) | 3.986.304.876 | (511.500.129) | 6.551.747.967 | 3.474.804.747 |
| Cộng | 67.323.805.058 | (12.855.194.875) | 90.648.824.312 | (12.671.431.819) | 54.468.610.183 | 77.977.392.493 |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Phải trả người bán | 186.064.580.556 | 154.494.403.296 | 186.064.580.556 |
| Vay và nợ | 427.876.388.375 | 400.664.386.487 | 427.876.388.375 | 400.664.386.487 |
| Các khoản phải trả khác | 18.851.499.824 | 25.072.836.658 | 18.851.499.824 | 25.072.836.658 |
| Cộng | 632.792.468.755 | 580.231.626.441 | 632.792.468.755 | 580.231.626.441 |

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

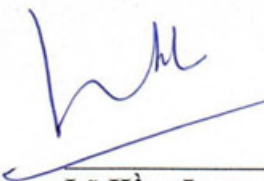
Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

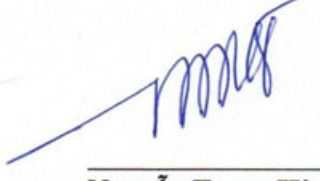
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017


Lữ Hồng Lam
Người lập biểu


Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 1: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------|
| Số đầu năm | 82.936.597.721 | 171.765.593.418 | 15.140.547.157 | 2.989.495.043 | 272.832.233.339 |
| Tăng trong năm | 1.978.236.637 | 2.617.215.837 | 7.283.798.915 | 129.700.000 | 12.008.951.389 |
| Mua sắm mới | 1.978.236.637 | 1.668.275.045 | 4.752.153.915 | 129.700.000 | 8.528.365.597 |
| Xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 948.940.792 | 2.531.645.000 | - | 3.480.585.792 |
| Giảm trong năm | (1.283.063.289) | (920.892.146) | - | - | (2.203.955.435) |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.283.063.289) | (920.892.146) | - | - | (2.203.955.435) |
| Số cuối năm | 83.631.771.069 | 173.461.917.109 | 22.424.346.072 | 3.119.195.043 | 282.637.229.293 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 102.700.355 | 1.004.894.463 | 894.026.613 | 265.454.379 | 2.267.075.810 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 47.175.704.175 | 103.714.635.888 | 4.870.804.959 | 2.250.228.666 | 158.011.373.688 |
| Khấu hao trong năm | 5.116.811.287 | 9.955.138.317 | 1.879.887.783 | 179.854.622 | 17.131.692.009 |
| Thanh lý, nhượng bán | (225.402.999) | (553.907.952) | - | - | (779.310.951) |
| Số cuối năm | 52.067.112.463 | 113.115.866.253 | 6.750.692.742 | 2.430.083.288 | 174.363.754.746 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 35.760.893.546 | 68.050.957.530 | 10.269.742.198 | 739.266.377 | 114.820.859.651 |
| Số cuối năm | 31.564.658.606 | 60.346.050.856 | 15.673.653.330 | 689.111.755 | 108.273.474.547 |
| Trong đó: | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017



Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 2: Bảng tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | | Đơn vị tính: VND |
|---|----------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Thuế được hoàn | Phải nộp | |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | - | 4.435.846.295 | (3.257.923.110) | - | 1.177.923.185 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 910.391.353 | (910.391.353) | - | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 21.867.379.780 | - | (2.190.114.202) | 5.483.481.192 | - | 18.574.012.790 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.758.597.837 | 2.328.398.085 | 4.184.298.908 | (286.395.757) | (1.365.886.937) | 1.962.215.966 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và</i> | | | | | | | |
| <i>Xuất nhập khẩu Cà Mau</i> | - | 2.328.398.085 | 2.662.418.184 | - | 106.315.143 | 440.335.242 | - |
| <i>Công ty TNHH Thủy sản Camimex</i> | 1.472.202.080 | - | 1.370.756.214 | (1.472.202.080) | - | 1.370.756.214 | - |
| <i>Công ty TNHH MTV Sản xuất Tôm giống</i> | | | | | | | |
| <i>Sinh thái Camimex</i> | 286.395.757 | - | 151.124.510 | (286.395.757) | - | 151.124.510 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.036.986.780 | - | 1.153.216.013 | (7.128.938) | (944.191.854) | 1.238.882.001 | - |
| Thuế tài nguyên | 23.950.864 | - | 44.280.909 | - | (60.158.671) | 8.073.102 | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 6.484.788.544 | - | 453.945.853 | (5.364.210.076) | (1.078.148.074) | 496.376.247 | - |
| Các loại thuế khác | 106.315.143 | - | 12.000.000 | (12.000.000) | (106.315.143) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 42.368.272 | - | 60.981.326 | (64.456.764) | - | 38.892.834 | - |
| Cộng | 9.453.007.440 | 24.195.777.865 | 11.254.960.657 | (12.092.620.200) | (3.554.700.679) | 4.922.363.335 | 18.574.012.790 |

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017



Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 3: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quý đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--------------------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 132.212.340.000 | 1.995.223.836 | (92.462.689.433) | 41.744.874.403 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 24.659.780.215 | 24.659.780.215 |
| Số dư cuối năm trước | 132.212.340.000 | 1.995.223.836 | (67.802.909.218) | 66.404.654.618 |
| Số dư đầu năm nay | 132.212.340.000 | 1.995.223.836 | (67.802.909.218) | 66.404.654.618 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | (42.439.111.937) | (42.439.111.937) |
| Xử lý lỗ, công nợ Camimex Kiên Giang | - | - | (1.328.056.676) | (1.328.056.676) |
| Số dư cuối năm nay | 132.212.340.000 | 1.995.223.836 | (111.570.077.831) | 22.637.486.006 |

Đơn vị tính: VND

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2017



Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

Lữ Hồng Lam
Người lập biểu